

Viễn cảnh khan hiếm dầu mỏ ảnh hưởng đến các quan hệ quốc tế

Thạc sĩ NGUYỄN TẤN VẠNG



Dầu mỏ là một trong những nguồn nguyên liệu quý nằm sâu trong lòng đất, dưới đáy đại dương, được tạo hóa ban tặng cho con người một cách hữu hạn và không đồng đều. Do những khác biệt về cấu trúc địa tầng trên bề mặt trái đất, nên sự phân bố quyền sở hữu nguồn tài nguyên vàng đen quý giá này giữa các khu vực, quốc gia trên thế giới cũng rất khác nhau về mật độ, trữ lượng, chất lượng, khả năng tái tạo, cũng như thời gian khai thác... Từ đó, đã tạo nên những cường quốc khổng lồ về dầu mỏ, những “Vua dầu hỏa”, và cũng là nguyên nhân chính gây ra phần lớn các cuộc xung đột qua giữa những nước sản xuất dầu hỏa trong nhiều thập kỷ, và ngay cả những nước tuy không có mỏ dầu, nhưng có tiềm lực mạnh về các ngành công nghiệp khác, cũng luôn nhắm đến, tranh giành lẫn nhau quyền khai thác ở những quốc gia tuy giàu tài nguyên thiên nhiên, nhưng nghèo về thể và lực để có thể gìn giữ được của thiên phú này!

1. Trữ lượng dầu mỏ trên thế giới

Theo kết quả điều tra gần nhất của Cơ quan năng lượng Mỹ, kết hợp với Quỹ tiền tệ quốc tế về trữ lượng dầu mỏ trên thế giới hiện nay, được tạo hóa phân bổ “hạn

30

ngạch” cho từng vùng lãnh thổ như sau:

Bảng 1: Sự phân bố trữ lượng dầu mỏ trên thế giới

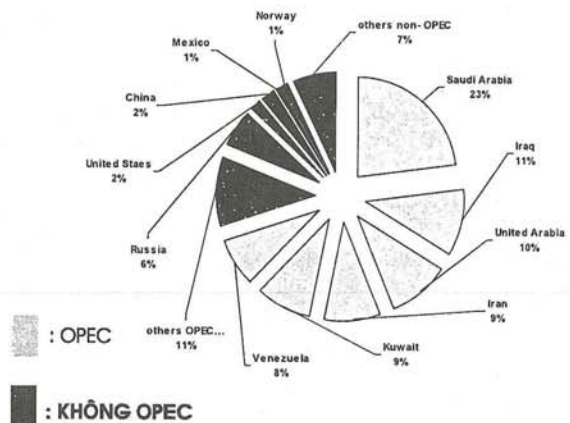
STT	Tên nước, tổ chức	Trữ lượng (tỷ thùng)	Tỉ trọng (%)	Ghi chú
OPEC		972	81	Dự báo trữ lượng dầu mỏ toàn thế giới còn khoảng 1,200 tỷ thùng
1	Saudi Arabia	276	23	
2	Iraq	132	11	
3	United Arab Emirates	120	10	
4	Iran	108	9	
5	Kuwait	108	9	
6	Venezuela	96	8	
7	Các nước khác...	132	11	
Ngoài OPEC		228	19	
8	Nga	72	6	
9	Mỹ	24	2	
10	Trung Quốc	24	2	
11	Mexico	12	1	
12	Na Uy	12	1	
13	Các nước khác...	84	7	

Nguồn: Bộ năng lượng Mỹ và IMF, 2004

Ghi chú : 1 tấn = 7,5 thùng

Theo dự báo nêu trên, thì tổng trữ lượng còn lại của túi dầu trên thế giới hiện nay khoảng 1.200 tỷ thùng, nhằm kế hoạch hóa việc sử dụng, cũng như khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên có giới hạn này, trên thế giới (trong lĩnh vực dầu hỏa)- được phân chia thành 2 nhóm: OPEC và ngoài OPEC, với trữ lượng tiềm năng được biểu diễn qua hình dưới đây:

Hình 1: Sự phân bố trữ lượng dầu mỏ trên thế giới



Bảng 1 và Hình 1 cho ta thấy trữ lượng dầu mỏ trên thế giới hiện nay phần lớn thuộc nhóm các nước trong tổ chức OPEC (chiếm 81%), trong đó Saudi Arabia là nước có trữ lượng dầu mỏ cao nhất, chiếm đến 23% tổng trữ lượng dầu của thế giới, kế đến là Iraq, tuy đứng thứ 2, nhưng tỉ trọng chỉ chiếm 11%, chưa bằng 1/2 của Saudi Arabia, xếp thứ 3 là các nước Tiểu Vương quốc Ả Rập (United Arab Emirates - UAE) chiếm 10%, sau đó là

nhóm các nước có mức tỉ trọng tương đương 9%, 8% là Iran, Kuwait, Venezuela....

Phần trữ lượng dầu còn lại của thế giới bao gồm các nước ngoài khối OPEC (chiếm 19%), trong đó Nga đã chiếm đến 6% (hơn 30% của nhóm này); kế đến là Mỹ, Trung Quốc cùng chiếm mức tỉ trọng tương đương là 2%; Mexico, Na Uy chiếm 1%; phần còn lại 7% thuộc về các nước khác Bắc Mỹ, châu Phi, châu Á... trong đó có Việt Nam, tuy mức trữ lượng không đáng kể (# 7 tỷ thùng) nhưng đã được chính thức xếp vào danh sách các nước xuất khẩu dầu mỏ từ năm 1991.

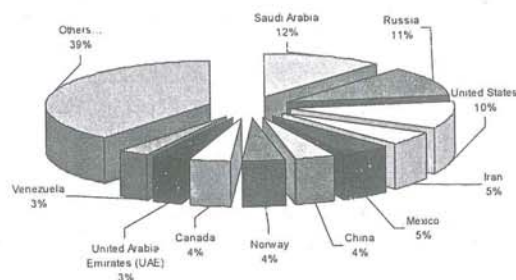
2. Sản lượng khai thác dầu thô của thế giới

Trên thế giới hiện nay có hơn 65 quốc gia sản xuất dầu thô, tức gần 1/3 số quốc gia có tên trên bản đồ thế giới. Theo điều tra gần đây nhất của Cơ quan năng lượng quốc tế- IEA (International Energy Agency- 2004), thì nguồn cung ứng dầu hỏa trên thế giới được tập trung vào những nhà cung cấp lớn dưới đây:

Bảng 2: Sản lượng khai thác dầu thô của thế giới năm 2004

STT	Tên nước	Sản lượng (triệu thùng/năm)	Tỉ trọng (%)	Ghi chú
1	Ả Rập Saudi	3.679,20	12	
2	Nga	3.372,60	11	
3	Mỹ	3.066,00	10	
4	Iran	1.533,00	5	
5	Mexico	1.533,00	5	
6	Trung Quốc	1.226,40	4	
7	Na Uy	1.226,40	4	
8	Canada	1.226,40	4	
9	Các Tiểu Vương quốc Ả Rập (UAE)	919,80	3	
10	Venezuela	919,80	3	
11	Các nước khác...	11.957,40	39	
	Tổng cộng	30.660,00	100	# 84 triệu thùng/ngày

Nguồn: Cơ quan năng lượng quốc tế - IEA- 2004



Hình 2: Tỉ trọng về sản lượng dầu cung cấp của các nước trên thế giới năm 2004 (%)

Hình trên cho ta thấy rằng sản lượng khai thác dầu nhiều nhất thế giới hiện nay là Saudi Arabia, chiếm đến 12% tổng sản lượng khai thác của thế giới (3.680 triệu thùng/năm - qui

dầu), kế đến là Nga chiếm 11% (3.373 triệu thùng/năm), Mỹ chiếm 10% (3.066 triệu thùng/năm), Iran 5% (1.533 triệu thùng/năm), Mexico 5% (đồng hạng, #1.533 triệu thùng/năm), tiếp theo là các quốc gia có tỉ lệ tương đương 4%, 3% là Trung Quốc, Na Uy, Canada, các tiểu Vương Quốc Ả Rập, Venezuela, các vùng, lãnh thổ còn lại chiếm khoảng 39% sản lượng khai thác, bao gồm một số nước ở châu Á, châu Phi, khu vực Trung Đông, như: Indonesia, Malaysia, Angola, Sudan, Nigeria, Iraq, Kuwait, Xiri....

So sánh các số liệu điều tra về trữ lượng các túi dầu, sản lượng khai thác, cũng như tỉ trọng của các nước này trong toàn cảnh thị trường dầu mỏ thế giới, chúng ta có thể thấy được sự ưu ái của thiên nhiên đối với một số vùng, lãnh thổ nêu trên không hẳn tỉ lệ thuận với mức sản lượng khai thác, dựa vào sử dụng, giao dịch trên thị trường dầu mỏ thế giới. Cụ thể, như sau:

Nếu tỉ trọng trữ lượng dầu mỏ của Saudi Arabia đứng đầu trên thế giới (chiếm đến 23%), thì sản lượng khai thác của nước này chỉ mới chiếm 12% (3.680 triệu thùng/năm) xấp xỉ Nga là 3.373 triệu thùng/năm, trong khi trữ lượng các mỏ dầu của Nga chỉ đạt 6% (tương đương thứ hạng 5), sau đó là Iraq, chiến tranh và nhiều năm cấm vận kéo dài đã làm kiệt quệ đất nước thứ hai về trữ lượng dầu mỏ này, tính đến nay Iraq là nước có sản lượng dầu mỏ khai thác thấp nhất khu vực Trung Đông, với mức sản lượng không quá 2 triệu thùng/ngày nhường chỗ cho vị trí thứ hai này là Nga, chiếm đến 11% sản lượng dầu mỏ khai thác toàn cầu, kế đến là Mỹ đứng hàng thứ ba, với mức sản lượng xấp xỉ Nga là 3.066 triệu thùng/năm (chiếm 10%), đáng chú ý hơn là Mexico, Na Uy, tuy chỉ chiếm 1% về trữ lượng, nhưng ngành công nghiệp khai thác dầu mỏ của các nước này rất phát triển, chiếm đến 4% sản lượng toàn thế giới (gấp 4 lần mức tỉ trọng về trữ lượng!), ngược lại các nước như: United Arab Emirates (UAE), Venezuela, tuy chiếm trữ lượng khá cao (10%, 8%), nhưng sản lượng khai thác cũng chỉ dừng lại ở mức tỉ lệ khá khiêm nhường là 3%!

Tuy nhiên, mặc dù tỉ trọng sản lượng dầu khai thác trên thế giới có phần nghiêng về các cường quốc lớn như: Nga, Mỹ (riêng 2 nước này đã chiếm đến 21%), và một số nước có nền công nghiệp khai khoáng phát triển khác, như: Iran, Trung Quốc, Na Uy, Canada...nhưng tổng sản lượng dầu khai thác của các nước thuộc OPEC vẫn luôn chiếm tỉ trọng cao, với mức khai thác trung bình là 30 triệu thùng/ngày (gần 36% sản lượng khai thác toàn thế giới), và thị phần lên đến 35%, góp phần quan trọng trong việc điều tiết, cũng như chi phối thị trường dầu hỏa thế giới.

Bên cạnh đó, để giảm bớt sức ép về trữ lượng các mỏ dầu đã phát hiện trên thế giới, với tổng khối lượng tương đương 12.000 tỷ thùng, hiện nay; các nước đang áp dụng nhiều nỗ lực, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật về công nghệ khai khoáng để khám phá thêm nguồn tài nguyên quý giá, còn ẩn tích sâu dưới lòng đất, đại dương trên khắp các châu lục. Những kết quả thăm dò gần đây đã cho thấy nhiều dấu hiệu khả quan, có khuynh hướng tiên liệu nâng dần thời hạn sử dụng nguồn tài nguyên hữu hạn này lên từ 20 năm, 30 năm và đến nay là 50 năm theo dự báo của nhiều trung tâm nghiên cứu dầu mỏ quốc tế, và các chuyên gia hàng đầu trong

lĩnh vực này.

3. Nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ của thế giới (1955-2004)

Trong những năm gần đây, cùng với tốc độ phát triển kinh tế trên thế giới (bình quân 4%/năm và nhiều sự kiện thay đổi trong các quan hệ quốc tế, ... là mức năng lượng tiêu dùng cho sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa, chiến tranh... cũng ngày càng tăng tỉ lệ với tốc độ phát triển của các nền kinh tế, và hiện nay, hầu như cứ mỗi tháng, mỗi tuần (thậm chí mỗi ngày) đều lập những kỷ lục về giá cả, mà chưa có dấu hiệu dừng lại hay bình ổn trong ngắn hạn hoặc sau này.

Bảng thống kê dưới đây sẽ cho chúng ta thấy được tổng cầu về nguồn năng lượng dầu hỏa (qui dầu) của các nước trên thế giới, đã tăng lên rất nhanh từ những năm giữa thế kỷ 20 (1955) đến năm 2004 (tăng gần 7,5 lần). Với đà phát triển kinh tế như hiện nay, kết hợp với những các yếu tố có liên quan khác trên thế giới, 20 năm sau (2025) tổng nhu cầu tiêu thụ dầu hỏa trên hành tinh này có thể sẽ lên đến 151 triệu thùng/ngày- tăng hơn 10 lần so với năm 1955!

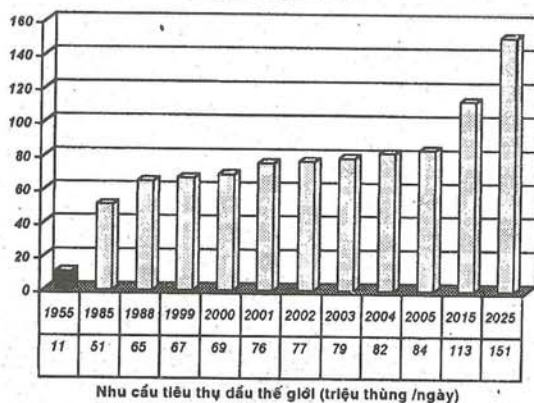
Bảng 3: Nhu cầu tiêu thụ dầu của thế giới (1955- 2004), và dự báo đến năm 2025 (Đ/v: Triệu thùng- qui dầu).

STT	Năm	Nhu cầu tiêu thụ / ngày	Ghi chú
1	1955	11,00	
2	1985	51,00	
3	1988	64,95	
4	1999	67,00	
5	2000	69,01	
6	2001	76,30	
7	2002	77,00	
8	2003	78,90	
9	2004	82,15	
10	2005	84,00	dự kiến đến cuối năm là 90 tr thùng/ ngày
11	2015	112,90	dự báo
12	2025	151,00	dự báo

Nguồn: IEA, Asia Times, 8.2005

Để thấy được mức độ gia tăng vượt bậc về nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ trên thế giới trong nhiều thập kỷ qua, chúng ta hãy cùng nhau nghiên cứu đồ thị minh họa dưới đây:

Hình 3: Nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ của thế giới (1955- 2005), và dự báo đến 2025

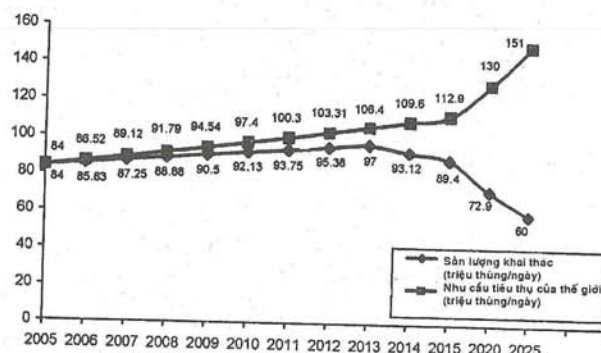


Qua đồ thị trên, chúng ta thấy rằng, nhu cầu dầu hỏa của thế giới hiện nay đã tăng hơn gấp 7 lần so với 50 năm trước đây! Chúng ta đều biết rằng dầu mỏ là một sản phẩm khai thác hữu hạn, không phải sản phẩm chế tạo. Vì vậy, giả sử ngay từ năm 1955 tổng trữ lượng dầu mỏ trên thế giới đã được khám phá toàn bộ là $Y = 1,200$ tỷ thùng + X , thì con số này đến nay vẫn không thay đổi đáng kể (tương đối), nhưng nhu cầu tiêu thụ của xã hội đã tăng lên hơn 7 lần, từ 11 triệu thùng/ ngày đến 84 triệu thùng/ngày (1955- 2005). Như vậy với đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu như hiện nay- khoảng 4%/năm, thì nhu cầu sử dụng các sản phẩm từ dầu mỏ cũng tăng một tỉ lệ bình quân là 3%/năm, trong khi trữ lượng sản xuất từ các mỏ dầu trên thế giới đang có xu hướng giảm dần từ 3% đến 5%/ năm sau khi đạt mức sản lượng cực đỉnh 97 triệu thùng/ ngày vào năm 2013! Bằng phương pháp ngoại suy, ta có thể tính toán được sự tương quan trái chiều giữa sản lượng khai thác và nhu cầu sử dụng của thế giới đối với nguồn vàng đen này đến năm 2025 như sau:

Bảng 4: Dự báo sản lượng khai thác, và nhu cầu về dầu mỏ của thế giới đến năm 2025

Năm	Sản lượng khai thác dự báo (triệu thùng/ngày)	Nhu cầu thế giới triệu thùng/ngày)	Ghi chú
2005	84,00	84,00	tương đương
2006	85,63	86,52	sản lượng kh/hác tăng trưởng b/quân 1,8%/năm- đến năm 2013.
2007	87,25	89,12	
2008	88,88	91,79	
2009	90,50	94,54	
2010	92,13	97,40	
2011	93,75	100,30	
2012	95,38	103,31	
2013	97,00	106,40	sản lượng khai thác giảm bình quân 4%/năm- kể từ năm 2013.
2014	93,12	109,60	
2015	89,40	112,90	
2020	72,90	130,00	
2025	60,00	151,00	

Hình 4: Tỉ lệ nghịch giữa nhu cầu và trữ lượng (cung- cầu) dầu mỏ của thế giới đến 2025



Qua hình minh họa trên, chúng ta dễ thấy rằng khuynh hướng của 2 đường cung và cầu dầu hỏa trên thế giới ngày càng cách xa nhau, kéo theo một viễn cảnh khan hiếm nguồn năng lượng này trong một vài thập kỷ tới là điều không thể tránh khỏi, nếu ngay từ bây giờ các tổ chức dầu mỏ quốc tế, các nhà khoa học trên thế giới chưa tập trung để tìm ra những biện pháp khả thi nhằm tiết kiệm, cũng như nghiên cứu nguồn năng lượng khác có thể thay thế được dầu hỏa trong tương lai. Theo đó, cùng với gia tăng sản lượng khai thác, thì nhu cầu tiêu thụ dầu hỏa để đáp ứng tốc độ phát triển kinh tế của thế giới cũng sẽ tăng, và nhanh hơn tốc độ khai thác, như vậy vào năm 2006 cầu về dầu hỏa của thế giới sẽ bắt đầu thiếu hụt khoảng 890 nghìn thùng/ngày, và đến năm sản lượng cực đỉnh - 2013 sẽ hụt đi một khoảng là 9,4 triệu thùng/ngày (gần gấp 2 lần nhu cầu tiêu thụ/ngày của Nhật), cũng từ thời điểm này hành tinh của chúng ta mới thực sự bước vào "thảm kịch" của vấn nạn khan hiếm năng lượng toàn cầu, khi nhu cầu về dầu mỏ vẫn ngày càng tăng, trong khi sản lượng khai thác vẫn ngày càng giảm, hệ quả là, chỉ 2 thập kỷ sau (2025)- thế giới sẽ thiếu hụt một lượng cung dầu mỏ là 91 triệu thùng/ngày, để so sánh- thế giới cần có thêm 10 Saudi Arabia để giải tỏa lượng cách biệt cung- cầu quá lớn này!

Góp phần nâng cao mức tổng cầu dầu hỏa lên cao như hiện nay, đứng đầu là Mỹ, với mức tiêu thụ trên 20 triệu thùng/ngày, chiếm ¼ sản lượng dầu cung ứng vào thị trường thế giới; kế đến là Trung Quốc, với đà phát triển kinh tế bình quân trong những năm gần đây là 9%/năm, nước này đã liên tục gia tăng mức tiêu thụ dầu hỏa từ 5,4 triệu thùng/ngày năm 2003, đến 6,3 triệu thùng/ngày năm 2004 (dự kiến năm 2005 sẽ lên đến 7,2

triệu thùng/ngày); thứ ba là Nhật, là một cường quốc kinh tế phát triển, nhưng phải nhập khẩu 100% nguồn dầu mỏ từ các nước: Nga, Saudi Arabia, Mexico, Venezuela...để đảm bảo mức tiêu thụ bình quân 5,5 triệu thùng/ngày (2004).

Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ của các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng không ngừng tăng lên, từ 8 triệu thùng/ngày năm 1985 đã lên đến hơn 18 triệu thùng/ngày năm 2003 (tăng gấp 2,25 lần- trong vòng 8 năm), nhanh hơn nhiều so với tốc độ tiêu thụ dầu cùng kỳ của thế giới, và vượt qua các nước thuộc khối OECD (tăng 700.000 thùng/ngày, năm 2003). Từ năm 1999 đến nay, lượng dầu tiêu thụ ở các nước châu Á đã vượt qua các khu vực khác trên thế giới, trở thành nơi tiêu thụ dầu nhiều nhất hành tinh. Năm 2004, trong số 7 nước tiêu thụ dầu cao nhất thế giới đã có 4 nước ở châu Á là: Trung Quốc đứng vị trí thứ hai, Nhật thứ 3, Ấn Độ thứ 6, và Hàn Quốc đứng thứ 7 (thứ nhất là Mỹ, thứ 4 là Nga, thứ 5 là Anh Quốc).

Qua việc hệ thống các số liệu, phân tích sự tương quan giữa trữ lượng dầu mỏ, sản lượng khai thác, và nhu cầu tiêu thụ của thế giới hiện nay, cũng như những dự báo sau này. Chúng ta có thể xem đó là một hệ thống cảnh báo nguồn cung- cầu dầu mỏ hữu hiệu, tiên liệu được những ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thế giới, và từ đó có những giải pháp thích hợp để có thể tránh được, hay hạn chế tối đa những thiệt hại do "cơn sóng khan hiếm năng lượng" đã và đang đến gần, trên cơ sở những dự báo biện chứng nêu trên ■

(Còn tiếp)

(Tiếp theo trang 8)

Từ ngữ và sự vật

Mỗi xã hội tồn tại bằng những ưu việt của mình, và lụn bại suy vong khi không còn được những giá trị đó. Đạo Thiên chúa, 2000 năm qua, rao giảng thông điệp tình yêu, đã tự nhìn nhận đã thất bại. Hồng y Sépé, Bộ trưởng truyền giáo Vatican, khi sang VN làm việc với giáo hội công giáo VN tháng 12 vừa qua, đã gây sốc khi phán: "Đừng để cho xã hội hiện đại tẩy chay" do lẽ ý này là mới mẻ ở VN trong khi đã là "cổ điển" ở Âu Mỹ khi nhà thờ nay giống như viện bảo tàng, đến nỗi hiến chương EU đã vất bỏ định nghĩa văn minh châu Âu là văn minh gốc gác Do Thái- Kitô giáo (civilisation judéo-chrétienne)

cộng văn minh Hi-La (civilisation gréco-latine) để chỉ giữ lại về sau, văn minh Hi-La, bất chấp những phản đối của Vatican.

Liên Xô và các nước Đông Âu cũ đã có thế kỷ 20 để thực hiện giấc mơ của mình, song bất thành, có thể không được tôn trọng vì những lý do này, lý do khác, nhưng vẫn còn được nhắc đến với tất cả sự kính trọng ở hai điểm: phúc lợi giáo dục và y tế. Nếu trong giai đoạn chuyển tiếp này, chưa thực hiện được công bằng xã hội, ít nhất cũng hãy giữ gìn hai phúc lợi xã hội này vốn định nghĩa tên gọi.

Không phải không có tiền. Danh mục vay của WB cho thấy còn thể có tiền hơn nữa, nếu muốn. Vấn đề là đã muốn đúng chưa? Các dự án đã chi và đang xin (WB) duyệt

trong lĩnh vực giáo dục đã có được bàn bạc chưa với người dân, quốc hội, nói chung và với ngành giáo dục? Đã có công khai cho mọi người (ít nhất cũng là trong ngành) biết chưa rằng tại sao lại đầu tư cho cái này mà không cho cái kia? Ai giám sát chi tiêu? Các lãnh đạo đại học có được chia sẻ thông tin gì qua các dự án vay vốn "Higher Education Project" 1 và 2? Tiền có, vấn đề là sử dụng vì mục đích gì? Như thế nào? Có cần phải "bán non" các trường bán công hay không? Y tế cũng thế.

Hãy khẳng định rõ định hướng xã hội chủ nghĩa bằng những gì duy xã hội. Đó sẽ là lý lẽ tồn tại (la raison d'être) đấy, chứ không phải cái tỉ lệ tăng trưởng GDP! ■